

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2019/DS-PT
Ngày 03-5-2019
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Anh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tài

Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 4 và ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2019/TLPT-DS ngày 02/01/2019 về việc “tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 101/2018/DS-ST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 107/2019/QĐPT-DS ngày 18 tháng 3 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 95/2019/QĐPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1957; địa chỉ: 1421/9 (số cũ 242E), đường Phạm Văn Thuận, khu phố 2, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phước L - Luật sư Văn phòng Luật sư Năm Nam; địa chỉ: Số 334 đường Hùng Vương, khu 3, thị trấn Gia Ray, huyện X Lộc, tỉnh Đồng Nai, có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 22/17B, khu phố TP, phường TB, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lâm Phú X - Văn phòng Luật sư Phú X; địa chỉ: 630A đường Quảng Hòa Xương, khu phố Nguyễn Trãi, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1950; địa chỉ: Số 15/9, khu phố Tân Phú 2, phường TB, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, có mặt

2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1953; địa chỉ: Số 16/3A khu phố TP, phường TB, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954; địa chỉ: Số 19/8 khu phố TP, phường TB, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 8/14B khu phố TP, phường TB, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, có mặt.

5. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 19/9 khu phố Tân Phú 2, phường TB, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V, ông Đ, bà T và bà H: Ông Đinh Tấn T, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 87A đại lộ Bình Dương, khu phố 7 phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 16/4/2018), vắng mặt không có lý do.

6. Bà Phan Thị N, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 17/22 khu phố TP, phường TB, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, có mặt.

7. Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987

8. Chị Huỳnh Kim H, sinh năm 1992

9. Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1985

10. Chị Trần Thị Bạch T, sinh năm 1986

11. Anh Nguyễn Thành TR, sinh năm 1990

12. Chị Nguyễn Thị Mai Tra, sinh năm 1993

Cùng trú tại địa chỉ: Số 22/17B khu phố TP, phường TB, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn V kháng cáo toàn bộ bản án.

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương kháng nghị về phần án phí.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Nguyễn Thành L trình bày:*

Ông L là con của cụ Nguyễn Văn Bé, sinh năm 1926 và cụ Tống Thị Bình, sinh năm 1930 (cụ Bé chết năm 1965, cụ Bình chết năm 1985). Cụ Bé, cụ Bình có 8 người con là Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thành L, Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị V và Nguyễn Văn Trọng (ông Trọng không có vợ con đã chết năm 1984). Cụ Bé, cụ Bình chết không để di chúc, di sản để lại gồm:

- 01 căn nhà cấp 4 xây dựng trên diện tích đất 1.830m² (đo đạc thực tế 1.829,2m²) tọa lạc số 22/17B khu phố TP, phường TB, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương thuộc thửa số 492 tờ bản đồ C2, số sổ 318763, số vào sổ cấp GCN 1578/QSĐĐ/CQTĐ Ủy ban nhân dân huyện Dĩ An cấp ngày 31/01/2002 cho ông Nguyễn Văn V.

- Phần diện tích đất nông nghiệp 4.135m² thuộc thửa 240e, tờ bản đồ C2, xã TB, huyện Dĩ An (nay là phường TB, thị xã Dĩ An), tỉnh Bình Dương do cụ Bé, cụ Bình tự

khai phá từ trước năm 1975, đến năm 1985 khi cụ Bình chết, ông V lấy vợ đã quản lý trông coi, trồng hoa màu trên đất này. Năm 2005, Ủy ban nhân dân huyện Dĩ An thu hồi diện tích đất trên để làm khu di tích cánh mạng lịch sử Hồ Lang, ông V đi kê khai và được bồi thường tiền đất, cây trồng trên đất được 632.690.000 đồng, ông V cho ông L, bà B, ông Đ, bà T, bà H, bà V mỗi người 50.000.000 đồng, số tiền còn lại ông V sử dụng. Đến năm 2015, Ủy ban nhân dân huyện Dĩ An cấp bồi thường tái định cư diện tích đất 4.135m² đã thu hồi, ông V đi kê khai được cấp 02 (hai) nền đất tái định cư gồm: 151,2m², thửa 1370, tờ bản đồ số 6, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE236454, số vào sổ cấp GCN CH10921 và 151,3m² thửa 1.369 tờ bản đồ số 6, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE236455, số vào sổ cấp GCN CH10922 do Ủy ban nhân dân thị xã Dĩ An cấp ngày 28/02/2017 cho ông Nguyễn Văn V.

Ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế tài sản 03 (ba) phần đất trên cho ông, ông Đ, bà T, bà H, bà V, ông V và bà B; đối với 02 (hai) phần đất tái định cư yêu cầu chia bằng hiện vật, phần đất 1.829,2m² yêu cầu chia bằng giá trị. Tại phiên tòa ông L xin rút lại phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia căn nhà cấp 4 gắn liền với phần đất 1.829,2m².

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Phước L trình bày: Yêu cầu khởi kiện cũng như thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông L tại phiên Tòa là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L. Việc ông V trình bày đất và nhà cấp 4 do cụ Bình khi còn sống nói cho ông V, nhưng không có chứng cứ chứng minh. Đối phần đất ở khu vực Hồ Lang ông V trình bày là do ông V tự khai phá năm 1982 với diện tích 4.135m², phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng qua làm việc các nhân chứng Nguyễn Văn Tấn, Nguyễn Văn Kim xác định đây là phần đất của cụ Bé, cụ Bình khai khẩn để lại, sau này ông V tiếp quản, thực tế ông V có phần lớn công sức giữ gìn đất, tài sản từ khi cụ Bình chết năm 1985 cho đến nay. Đề nghị Hội đồng xét xử khi tính toán chia thừa kế thì chia phần ông V nhiều hơn so với các đồng thừa kế khác.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:*

Thông nhất về quan hệ huyết thống cha, mẹ và các anh, chị em trong gia đình như ông L trình bày.

Về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng và kê khai đăng ký đối với các thửa đất hiện tranh chấp ông có ý kiến như sau: Phần đất có nhà diện tích 1.830m² (đo đạc thực tế 1.829,2m²) có nguồn gốc do cụ Bé, cụ Bình để lại nhưng chưa kê khai đăng ký, trên đất có một căn nhà cột gỗ, vách ván bằng gỗ tạp, mái ngói, nền đất. Năm 1982, ông V lập gia đình với bà Nguyễn Thị N và ở chung với mẹ là cụ Bình để thuận tiện việc chăm sóc thờ cúng, ông bà. Quá trình sử dụng lâu ngày nhà bị hư hỏng ông đã 02 lần tu bổ, sửa chữa và xây mới như hiện nay. Khi còn sống mẹ ông nói cho ông toàn bộ căn nhà và diện tích đất nêu trên việc cho đất, nhà mẹ ông chỉ nói miệng, không lập giấy tờ nhưng tất cả anh chị em trong gia đình biết, không có ý kiến. Năm 1988, ông V tiến hành kê khai đăng ký đến ngày 15/10/1991 Ủy ban nhân dân huyện Dĩ An, tỉnh Sông Bé cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 260/GCN-SB (sổ trắng). Ngày 05/6/1997, thực hiện chủ trương chung ông V kê khai đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 260/GCN-SB. Đến ngày 31/01/2002, ông V được Ủy ban

nhân dân huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 318763, số vào sổ cấp GCN 1578/QSĐĐ/CQ TB Ủy ban nhân dân huyện Dĩ An cấp cho (hộ) ông Nguyễn Văn V. Các anh, chị em của ông V khi lập gia đình cũng được mẹ cho đất, tài sản khác để ra ngoài sống riêng.

Đối với 02 (hai) phần đất có diện tích 151,2m² và 151,3m² là do ông được bồi thường cấp tái định cư từ diện tích đất 4.135m². Phần đất 4.135m² tại khu vực Hồ Lang có nguồn gốc do ông V khai phá từ năm 1982 nhưng do đất nằm trong khu quy hoạch nên ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2005, Ủy ban nhân dân huyện Dĩ An thu hồi diện tích đất trên để làm khu di tích cách mạng và du lịch sinh thái Hồ Lang, ông được đền bù tiền đất, cây trồng trên đất được 632.690.000 đồng, sau khi nhận tiền đền bù ông cho 6 anh, chị em mỗi người 50.000.000 đồng, số tiền còn lại ông sử dụng, việc nhận được tiền bồi thường và cho các anh chị em trong gia đình xuất phát là do tình cảm. Năm 2015, Nhà nước có chủ trương cấp đất tái định cư, ông kê khai đăng ký đến năm 2017 ông được cấp 02 nền đất tái định cư nêu trên. Từ lúc nhận tiền bồi thường cho đến lúc được cấp đất tái định cư các anh chị em trong gia đình đều biết nhưng không ai có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì. Nay ông L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của cha mẹ để lại đối với 03 (ba) phần đất nói trên ông không đồng ý vì các tài sản này của riêng ông. Ông yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện để đình chỉ giải quyết vụ án vì từ thời gian năm 1985 khi mẹ ông là cụ Bình chết, cho đến khi khởi kiện thời gian đã trên 30 năm. Do vậy hết thời hiệu chia thừa kế tài sản.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị T trình bày: Thống nhất về quan hệ huyết thống và tài sản do cha mẹ để lại như ông L trình bày là đúng. Năm 1982, ông V cưới vợ và được mẹ là cụ Bình cất nhà cho ra ở riêng. Đến năm 1985 sau khi mẹ chết, vợ chồng ông V về sống tại căn nhà cấp 4 và diện tích đất 1.829,2m² cho đến nay. Trong quá trình sử dụng căn nhà, ông V có sửa chữa lại toàn bộ căn nhà vào năm 1993 bằng số tiền bán đất của cha, mẹ để lại. Sau khi mẹ chết anh chị em trong gia đình thống nhất để ông V quản lý, sử dụng căn nhà và đất để thờ cúng cha mẹ. Việc thỏa thuận không lập văn bản, đối với diện tích đất nông nghiệp 4.135m², nguồn gốc đất do cha, mẹ khai khẩn khi còn sống. Lúc mẹ còn khỏe có trồng khoai mì và khoai lang, còn lại diện tích đất chủ yếu là hồ sâu, đất rừng. Đến lúc sức khỏe mẹ yếu, mẹ tôi có gọi mấy anh em về chỉ đất để giữ gìn đất của ông, bà để lại. Sau khi mẹ chết, ông L và ông Đ không trực tiếp canh tác đất trên nên một mình ông V canh tác, sau đó Ủy ban nhân dân huyện Dĩ An thu hồi diện tích đất làm khu di tích cách mạng sinh thái Hồ Lang và đền bù tiền, ông V đã chia lại cho anh chị em trong gia đình mỗi người 50.000.000 đồng, còn lại ông V sử dụng. Đến năm 2015 Ủy ban nhân dân huyện Dĩ An có chính sách cấp đất tái định cư do thu hồi đất, ông V đi kê khai và được cấp 02 nền đất tái định cư vào năm 2017. Nay ông L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với 03 (ba) phần đất trên cho các anh chị em mỗi người một phần bà đồng ý và yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật, đối với phần thừa kế bà được hưởng, bà yêu cầu nhận bằng hiện vật là đất và phần được hưởng này bà cho bà H.

- Ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Thống nhất về quan hệ huyết thống và tài sản do cha mẹ để lại như ông L trình bày là đúng. Cha, mẹ để lại nhiều tài sản là quyền sử

dụng đất khác nhau. Năm 2003, ông Đ và ông L có khởi kiện ông V ra Tòa án nhân dân huyện Dĩ An để chia thừa kế phần đất cha, mẹ để lại bao gồm cả hai phần đất hiện nay ông L khởi kiện. Quá trình Tòa án giải quyết các anh chị em thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án theo hướng ông Đ, ông L và ông V chia phần đất có diện tích (đo đạc thực tế 4.340m²) thuộc các thửa đất số 02, 936, 937, 938 tờ bản đồ D2 (phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) cho 7 (bảy) anh chị em mỗi người 620m² nhưng 04 người con gái (B, T, H, V) từ chối không nhận mà nhường quyền hưởng thừa kế lại cho ông V, phần đất này các ông đã được cấp quyền sử dụng. Còn lại những tài sản khác cam kết không tranh chấp. Do vậy, ông Đ, ông L đã rút đơn khởi kiện và Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Nay ông L khởi kiện ông V yêu cầu chia thừa kế tài sản đối với 03 (ba) phần đất nêu trên, ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, phần thừa kế của ông được hưởng bao nhiêu ông nhận và yêu cầu được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất. Ông thống nhất với yêu cầu của ông L là đối với tài sản là căn nhà cấp 4 không yêu cầu chia thừa kế mà giao cho ông V sở hữu, giao ông V sử dụng diện tích đất 1.829,2m² phần chênh lệch sẽ tính toán bằng tiền cho các bên, còn diện tích 02 nền đất tái định cư sẽ chia cho các anh, chị em.

- Bà Nguyễn Thị B trình bày: Thống nhất về quan hệ huyết thống cha, mẹ và các anh, chị em trong gia đình như ông L trình bày. Đối với phần đất 1.829,2m² hiện ông L tranh chấp từ khi mẹ (cụ Bình) chết năm 1985 cho đến nay, các tài sản trên bản thân bà B và các anh, chị em trong gia đình chưa khi nào đề cập chia thừa kế cho đến tháng 11/2017 ông L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế. Tài sản này sở dĩ không chia vì bà nghĩ để cho ông V quản lý làm nơi thờ cúng cha mẹ. Đối với phần đất 151,2m² và 151,3m² đây là phần đất mà ông V đi kê khai trong việc bị thu hồi diện tích đất 4.135m², bà không biết phần đất này tọa lạc ở đâu chỉ biết do vợ chồng ông V quản lý, sử dụng. Năm 2006, bà B được ông V cho số tiền 50.000.000 đồng, ông V nói là được bồi thường tiền đất, do tình cảm chị em nên ông V cho, bà B nhận tiền trực tiếp từ V. Nay ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế tài sản do cha mẹ để lại, bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, phần di sản của bà được hưởng bao nhiêu bà cho ông V.

- Bà Nguyễn Thị H trình bày: Thống nhất về quan hệ huyết thống cha, mẹ và các anh, chị em trong gia đình như ông L trình bày. Thống nhất với phần trình bày của bà B, ông Đ và bà T. Đối với yêu cầu khởi kiện, thay đổi yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông L, bà H thống nhất. Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật, bà H yêu cầu được nhận thừa kế bằng hiện vật, đối với phần nhận thừa kế của bà T, bà T cho lại bà, bà đồng ý nhận.

- Bà Nguyễn Thị V trình bày: Thống nhất về quan hệ huyết thống cha, mẹ và các anh, chị em trong gia đình như ông L trình bày. Thống nhất phần trình bày của bà B, ông Đ, bà T, bà H. Đối với yêu cầu khởi kiện, thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông L, bà V thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, bà V yêu cầu được nhận thừa kế bằng hiện vật.

- Ông Đinh Tấn T đại diện theo ủy quyền của bà V, ông Đ, bà T, bà H trình bày: Thống nhất trình bày của nguyên đơn ông L, đề nghị Hội đồng xét xử chia di sản của cụ Bé, cụ Bình để lại mà hiện ông V quản lý theo luật định, do ông V có công sức giữ gìn phần đất

và nhà do cụ Bé, cụ Bình để lại trong thời gian dài. Vì vậy, tính toán công sức đề nghị Hội đồng xét xử chia phần ông V được hưởng nhiều hơn.

- Bà Phan Thị N trình bày: Bà là vợ ông Nguyễn Văn V, bà N thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông V, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như trình bày của ông Đ, bà H, bà T, bà V.

- Anh Nguyễn Thanh T và chị Huỳnh Kim H trình bày: Anh T là con của ông V và bà N, hiện vợ chồng ông đang sinh sống và ở cùng ông V, bà N. Ông T được ông V nói lại là phần đất và nhà hiện đang ở là do bà nội (bà Tống Thị Bình) cho, việc này trong gia đình ai cũng biết và các cô bác không có ai tranh chấp, đối với phần đất quy hoạch trên Hồ Lang là do ông V khai phá, canh tác từ năm 1982. Anh T không có yêu cầu độc lập trong vụ án, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Chị Nguyễn Thị Mai Tra trình bày: Chị là con của ông Nguyễn Văn V, đối với phần đất hiện ông L tranh chấp thừa kế, trong thời gian sinh sống tại nhà, chị Tra không thấy ai thắc mắc, khiếu nại gì về quyền sử dụng đất của ông V. Chị Tra không có yêu cầu độc lập trong vụ án, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Anh Nguyễn Thành TR trình bày: Anh là con của ông Nguyễn Văn V, trong thời gian sinh sống tại nhà, anh TR không thấy ai thắc mắc, khiếu nại gì về quyền sử dụng đất của ông V. Anh TR không có yêu cầu độc lập trong vụ án, không đồng ý chia di sản mà ông Nguyễn Thành L khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Anh Nguyễn Đình T, chị Trần Thị Bạch T: Anh T là con của ông Nguyễn Văn V, hiện vợ chồng ông đang sinh sống và ở cùng ông V. Anh được ông V kể lại phần đất và nhà hiện đang ở là do bà nội Tống Thị Bình cho, việc này trong gia đình ai cũng biết và các cô bác không có ai tranh chấp, đối với phần đất quy hoạch Hồ Lang là do ông V khai khẩn canh tác từ năm 1982. Anh T không có yêu cầu độc lập trong vụ án, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Người làm chứng:*

- Ông Nguyễn Văn Kim trình bày: Ông Kim là cháu ruột của bà Tống Thị Bình, về nguồn gốc đất tại khu đất Hồ Lang hiện nay đã thu hồi có nguồn gốc do ai khai khẩn thì ông Kim không rõ, ông chỉ biết sau chiến tranh năm 1975 ông Phan Văn Rợ và ông Phan Văn Chợ khai phá lại toàn bộ diện tích đất của khu vực Hồ Lang, sau đó năm 1976 ông Chợ, ông Rợ trả đất cho bà Tống Thị Bình, bà Bình cùng các con gái là bà H, ông Đ trông mì, đến năm 1985 bà Bình chết, thì toàn bộ khu đất này do ông V, bà H, bà V tiếp quản để trồng hoa màu, sau khi bà H, V lấy chồng thì ông V trực tiếp khai khẩn cho đến khi bị thu hồi đất làm khu di tích cách mạng Hồ Lang.

- Ông Nguyễn Văn Tấn trình bày: Ông Tấn là cháu ruột của bà Tống Thị Bình, về nguồn gốc đất bị thu hồi tại khu di tích Hồ Lang của ông Nguyễn Văn V, đất này là của ông, bà nội ông Nguyễn Văn V để lại, trong thời kỳ chiến tranh chống Mỹ, khu đất Hồ Lang là căn cứ cách mạng nên không ai khai khẩn, sau chiến tranh năm 1975, ông Phan Văn Rợ, ông Phan Văn Chợ (ông Rợ, ông Chợ đã chết) khai khẩn phần diện tích đất này, đến năm 1976 ông Rợ, ông Chợ trả phần diện tích đất của ông, bà nội ông Nguyễn Văn V cho bà Tống Thị Bình canh tác, bà Bình cùng các con là ông Đ, bà H trông mì, khoai lang. Năm 1985 bà Bình chết giao đất này cho ông V cùng các anh, chị em canh tác, sau khi các anh, chị em lập gia đình thì ông Nguyễn Văn V quản lý cho đến khi thu hồi làm khu di tích cách mạng Hồ Lang.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thể hiện:

+ Diện tích đất 1.830m² (đo đạc thực tế 1.829,2m², gồm 300m² đất ở tại đô thị và 1.529,2m² đất trồng cây lâu năm). Đất tọa lạc số 22/17B khu phố TP, phường TB, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương thuộc thửa 492, tờ bản đồ C2, số sổ 318763, sổ vào sổ cấp GCN 1578/QSDĐ/CQ - TB do Ủy ban nhân dân huyện Dĩ An cấp ngày 31/01/2002 cho ông Nguyễn Văn V có trị giá 6.702.200.000 đồng.

+ Diện tích đất 151,2m² thửa 1370, tờ bản đồ số 6, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 236454, sổ vào sổ CH 10921 do Ủy ban nhân dân thị xã Dĩ An cấp ngày 28/02/2017 cho ông V có trị giá 1.360.800.000 đồng.

+ Diện tích đất 151,3m² thửa 1369, tờ bản đồ số 6, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 236455, sổ vào sổ cấp GCN: CH 10922 do Ủy ban nhân dân thị xã Dĩ An cấp ngày 28/02/2017 cho ông V có trị giá 1.361.700.000 đồng.

+ Công trình xây dựng trên diện tích đất 1.829,2m² gồm nhà cấp 4; chuồng nuôi gia súc; nhà vệ sinh; mái che tôn, sân bê tông; giếng khoan + máy bơm; đồng hồ điện kế; cổng sắt; hàng rào có tổng trị giá 204.524.459 đồng.

Đối với cây trồng trên đất các đương sự không tranh chấp nên không định giá.

Tại phiên tòa ông Đ, bà H, bà V thống nhất với yêu cầu rút lại yêu cầu khởi kiện của ông L về việc chia thừa kế căn nhà cấp 4. Thống nhất phần nhận thừa kế tính bằng hiện vật là diện tích đất 151,2m² và 151,3m² để chia cho ông Đ, ông L, bà B, bà T, bà H, bà V. Phần diện tích đất 1.829,2m² sẽ giao cho ông V quản lý đối với phần chênh lệch thì sẽ tính trả bằng tiền cho các bên.

Ông L, ông Đ, bà V thống nhất thỏa thuận khi Tòa án chia thừa kế bằng hiện vật thì phần của ông L, bà V được nhận sẽ giao cho ông Đ quản lý sử dụng và ông Đ có trách nhiệm hoàn trả giá trị bằng tiền cho ông L và bà V.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 101/2018/TLST-DS ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp về tài sản thừa kế giữa nguyên đơn ông Nguyễn Thành L đối với bị đơn ông Nguyễn Văn V.

1.1 Phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Bé, cụ Tống Thị Bình để lại và phát sinh mới gồm:

+ Diện tích đất 1.829,2m² (300m² đất ở tại đô thị và 1.529,2m² đất trồng cây lâu năm), tọa lạc số 22/17B khu phố TP, phường TB, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương thuộc thửa 492, tờ bản đồ C2, số sổ 318763, sổ vào sổ cấp GCN 1578/QSDĐ/CQ TB UBND huyện Dĩ An cấp ngày 31/01/2002 cho ông Nguyễn Văn V có trị giá 6.702.200.000 đồng (sáu tỷ, bảy trăm lẻ hai triệu, hai trăm nghìn đồng).

+ Diện tích đất 151,2m² thửa 1370, tờ bản đồ số 6, thuộc GCNQSDĐ số CE 236454, sổ vào sổ CH 10921 do UBND thị xã Dĩ An cấp ngày 28/02/2017 cho ông Nguyễn Văn V có trị giá 1.360.800.000 đồng (một tỷ, ba trăm sáu mươi triệu, tám trăm nghìn đồng).

+ Diện tích đất 151,3m² thửa 1369, tờ bản đồ số 6, thuộc GCNQSDĐ số CE 236455, sổ vào sổ cấp GCN: CH 10922 do UBND thị xã Dĩ An cấp ngày 28/02/2017

cho ông Nguyễn Văn V có trị giá 1.361.700.000 đồng (một tỷ, ba trăm sáu mươi một triệu, bảy trăm nghìn đồng).

Cho 07 đồng thừa kế hàng thứ nhất của cụ Bé, cụ Bình: Bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Thành L, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị V. Mỗi người được hưởng một kỷ phần thừa kế trị giá 807.831.000 đồng (tám trăm lẻ bảy triệu, tám trăm ba mươi một nghìn đồng).

1.2 Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị B tự nguyện nhường phần thừa kế trị giá 807.831.000 đồng (tám trăm lẻ bảy triệu, tám trăm ba mươi một nghìn đồng) cho ông Nguyễn Văn V.

1.3 Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T tự nguyện nhường phần thừa kế trị giá 807.831.000 đồng (tám trăm lẻ bảy triệu, tám trăm ba mươi một nghìn đồng) cho bà Nguyễn Thị H.

1.4 Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị V thỏa thuận về người nhận phần thừa kế là ông Nguyễn Văn Đ, đối với phần thừa kế của ông L, bà V mỗi người trị giá 807.831.000 đồng (tám trăm lẻ bảy triệu, tám trăm ba mươi một nghìn đồng).

1.5 Ông Nguyễn Văn V được hưởng phần công sức trong việc trông nom giữ phần di sản cũng như làm phát sinh mới phần di sản do cụ Nguyễn Văn Bé và cụ Tổng Thị Bình để lại trị giá 3.769.880.00 đồng (ba tỷ bảy trăm sáu mươi chín triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng, tương ứng với 40% của 9.424.700.000 đồng (chín tỷ, bốn trăm hai mươi bốn triệu, bảy trăm nghìn đồng) trị giá di sản thừa kế.

2. Chia thừa kế bằng hiện vật:

2.1 Ông Nguyễn Văn V được nhận diện tích đất 1.829,2m² (gồm 300m² đất ở tại đô thị và 1.529,2m² đất trồng cây lâu năm), tọa lạc số 22/17B khu phố TP, phường TB, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương thuộc thửa 492, tờ bản đồ C2, số sổ 318763, số vào sổ cấp GCN 1578/QSDĐ/CQ TB UBND huyện Dĩ An (nay là thị xã Dĩ An) cấp ngày 31/01/2002 đứng tên chủ sử dụng ông Nguyễn Văn V, (trên đất có căn nhà cấp 4 loại 01 tầng có diện tích 181,9 m²; chuồng nuôi gia súc; nhà vệ sinh; mái che tôn, sân bê tông; giếng khoan + máy bơm; đồng hồ điện kế; cổng sắt; hàng rào). Có sơ đồ bản vẽ kèm theo.

2.2 Bà Nguyễn Thị H được nhận diện tích đất 151,3m², thửa 1.369, tờ bản đồ số 6, thuộc GCNQSDĐ số CE 236455, số vào sổ cấp GCN CH 10922 do UBND thị xã Dĩ An cấp ngày 28/02/2017 đứng tên sử dụng ông Nguyễn Văn V.

2.3 Ông Nguyễn Văn Đ được nhận diện tích đất 151,2m², thửa 1370, tờ bản đồ số 6, thuộc GCNQSDĐ số CE 236454, số vào sổ CH 10921 do UBND thị xã Dĩ An cấp ngày 28/02/2017 đứng tên chủ sử dụng ông Nguyễn Văn V.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện tranh chấp về tài sản thừa kế giữa nguyên đơn ông Nguyễn Thành L đối với bị đơn ông Nguyễn Văn V đối với phần tài sản là căn nhà cấp 4 có diện tích 181,9m² xây dựng trên diện tích đất 1.829,2m² thuộc thửa 492, tờ bản đồ C2, số sổ 318763, số vào sổ cấp GCN 1578/QSDĐ/CQ TB UBND huyện Dĩ An cấp ngày 31/01/2002 đứng tên chủ sử dụng ông Nguyễn Văn V.

4. Về thanh toán giá trị chênh lệch:

+ Ông Nguyễn Văn V phải thanh toán giá trị chênh lệch cho bà Nguyễn Thị H số tiền 253.962.000 đồng (hai trăm năm mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng)

+ Ông Nguyễn Văn V phải thanh toán giá trị chênh lệch cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 1.062.693.000 đồng (một tỷ, không trăm sáu mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng).

4.1 Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số sổ 318763, số vào sổ cấp GCN 1578/QSĐĐ/CQ TB UBND huyện Dĩ An (nay là thị xã Dĩ An), tỉnh Bình Dương cấp ngày 31/01/2002 đứng tên chủ sử dụng ông Nguyễn Văn V với diện tích 1.830m² đất tọa lạc tại số 22/17B khu phố TP, phường TB, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương thuộc thửa 492, tờ bản đồ C2 để điều chỉnh lại phần diện tích đất thực tế qua đo đạc 1.829,2m². Ông Nguyễn Văn V liên hệ với Ủy ban nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương làm thủ tục điều chỉnh diện tích đất thực tế sử dụng.

4.2 Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CH 10922 do UBND thị xã Dĩ An cấp ngày 28/02/2017 đứng tên chủ sử dụng ông Nguyễn Văn V để điều chỉnh cấp cho bà Nguyễn Thị H. Ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị H liên hệ với Ủy ban nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương làm thủ tục điều chỉnh tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4.3 Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 10921 do UBND thị xã Dĩ An cấp ngày 28/02/2017 đứng tên chủ sử dụng ông Nguyễn Văn V để điều chỉnh cấp cho ông Nguyễn Văn Đ. Ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn Đ liên hệ với Ủy ban nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương làm thủ tục điều chỉnh tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, trách nhiệm chậm thi hành và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 26/10/2018, bị đơn ông Nguyễn Văn V kháng cáo toàn bộ bản án.

Ngày 23/11/2018, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương kháng nghị theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 thì ông Đ, ông L là người cao tuổi nên không phải chịu án phí. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông L, ông Đ phải chịu án phí là trái với quy định nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương giữ nguyên kháng nghị.

Ý kiến của ông Nguyễn Phước L - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Thành L:

Nguyên đơn khởi kiện chia thừa kế phần đất 1.830m² (đo đạc thực tế 1.829,2m²) thửa 492 tờ bản đồ C2, số sổ 318763, số vào sổ cấp GCN

1578/QSĐĐ/CQTB Ủy ban nhân dân huyện Dĩ An cấp ngày 31/01/2002 đứng tên chủ sử dụng ông Nguyễn Văn V trên đất có 01 căn nhà cấp 4 và 02 phần đất tái định cư có diện tích 151,2m² thửa 1370, tờ bản đồ số 6, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 236454, số vào sổ CH 10921; diện tích đất 151,3m² thửa 1.369 tờ bản đồ số 6, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 236455, số vào sổ cấp GCN: CH 10922 do Ủy ban nhân dân thị xã Dĩ An cấp ngày 28/02/2017 đứng tên chủ sử dụng ông Nguyễn Văn V. Các đương sự thừa nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ Bé, cụ Bình gồm: Bà B, ông Đ, ông L, bà T, ông V, bà H và bà V đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh.

Xét nguồn gốc đất 1.830m² trên đất có một căn nhà của cụ Bình để lại: Căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (BL 07 - 08) ông V khai do cha mẹ để lại cho ông V nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc tặng cho, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ, bà T, bà H, bà V không thừa nhận.

Xét nguồn gốc phần đất 4.135m²: Lời khai của ông V, bà N về nguồn gốc là không trung thực, ông V và bà N cho rằng phần đất này có nguồn gốc do vợ chồng ông bà khai phá từ năm 1982; tại phiên tòa, ông V khai nguồn gốc do ông Phan Văn Rợ và Phan Văn Chợ khai phá sau năm 1975, đến năm 1982 ông V yêu cầu ông Rợ, ông Chợ trả lại. Giấy chứng nhận kết hôn giữa ông V và bà N thể hiện kết hôn vào năm 1985 tức sau thời điểm khai phá năm 1982, tại phiên tòa ông V xác định lại năm sinh ông V sinh năm 1963 đến thời điểm năm 1982 ông mới hơn 19 tuổi nên chưa có ý thức khai phá đất làm của riêng. Tại biên bản kiểm kê cây trồng trên đất để bồi thường ngày 17/10/2005 thể hiện có cây tràm, cây mì nên phù hợp với lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H, bà V trên đất có trồng tràm và trồng mì. Quá trình giải quyết vụ án, lời khai người làm chứng là ông Tấn và ông Kim cũng xác định nguồn gốc thửa đất trên là của ông Rợ, ông Chợ trả cho bà Bình và bà Bình để lại cho các con. Theo hướng dẫn tại tiểu mục 1.3 mục 1 Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP TANDTC thì trên đất tranh chấp có nhà, cây trồng nên được xác định là di sản thừa kế. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An.

Ý kiến của ông Lâm Phú X - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn V:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản của nguyên đơn đối với 02 phần đất có diện tích 1.830m² và 4.135m² là không đúng. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, ông V yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện chia thừa kế để đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu của ông V là chưa phù hợp.

Xét di sản thừa kế của cụ Bé, cụ Bình để lại đã được các đương sự thỏa thuận giải quyết tại Quyết định số 73/2003/QĐ-DS của Tòa án nhân dân huyện Dĩ An đã công nhận sự thỏa thuận của các đương sự ghi nhận: Ông L, ông Đ nhận thừa kế; các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà B, bà T, bà H, bà V đồng ý nhận và nhường quyền hưởng thừa kế lại cho ông V; các đương sự cam kết không tranh chấp, khiếu nại và các đương sự không tranh chấp đối với 02 phần đất này.

Ngoài ra, lúc sinh thời cụ Bé, cụ Bình còn để lại nhiều phần đất khác và đã chia đều cho các anh chị em. Cụ thể, phần đất lúa có diện tích 5.376m² thuộc các thửa đất số 800, 801, 836, 837, 838, 874, 875, 876 tờ bản đồ B3 khi cụ Bình còn sống thì đã chia phần đất này cho ông V và ông L mỗi người ½ đến ngày 21/7/2007 ông L đã chuyển nhượng lại cho ông V.

Đối với phần đất 1.830m² có nhà trên đất bị đơn ông V đã sử dụng ổn định, liên tục, ngay tình, công khai hơn 30 năm và đã được cấp sổ trắng vào năm 1991 và sổ đỏ vào năm 2002. Đối chiếu Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Người chiếm hữu, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn 10 năm đối với động sản, 30 năm đối với bất động sản thì trở thành chủ sở hữu tài sản đó, kể từ thời điểm bắt đầu chiếm hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác”*. Đây là tài sản hợp pháp của bị đơn ông V không phải là di sản thừa kế.

Đối với phần đất 4.135m² tại biên bản xác minh của Ủy ban nhân dân phường An Bình (BL 403-431) xác định nguồn gốc đất của ông Phan Văn Rợ và Phan Văn Chợ khai phá từ sau năm 1975 đến năm 1982 giao lại cho ông V quản lý, sử dụng trồng cây hoa màu đến năm 2005 Nhà nước thu hồi đền bù cho ông V, ông V là người nhận tiền. Năm 2015, Nhà nước cấp đất tái định cư ông V kê khai đăng ký đến năm 2017 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất này ông Rợ, ông Chợ chưa được cấp quyền sử dụng đất, ông V sử dụng ổn định, kê khai đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp quy định tại Điều 100 Luật Đất đai nên 02 phần đất trên không phải là di sản thừa kế. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Tuy đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ Bé, cụ Bình nhưng chưa kê khai đăng ký. Các đương sự thống nhất thừa nhận bị đơn là người trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất ổn định từ năm 1985 đến nay. Năm 2003, các đương sự đã tranh chấp và chia thừa kế của cụ Bé, cụ Bình và không tranh chấp đối với 02 phần đất này. Do vậy, căn cứ Điều 100 Luật Đất đai thì đây không phải là di sản thừa kế, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 23/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương kháng nghị đối với việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Thành L phải chịu tiền án phí là chưa phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát sửa án sơ thẩm về phần án phí theo hướng ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Thành L không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; các vấn đề về quyền khởi kiện, phạm vi khởi kiện, quan hệ pháp luật phải giải quyết, người tham gia tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với người tiến hành tố tụng: Năm 2003 – 2004, ông Đặng Ngọc Quân là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Dĩ An được phân công giúp việc (tổng đạt các văn bản tố tụng, ghi chép biên bản) cho Thẩm phán Ngô Văn Minh giải quyết vụ án “tranh chấp di sản thừa kế”, giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Thành L với bị đơn ông Nguyễn Văn V đối với các phần đất 1.830m², phần đất 4.871m² và phần đất 5.376m² đất lúa. Năm 2017, ông Nguyễn Thành L khởi kiện ông Nguyễn Văn V “tranh chấp về thừa kế tài sản” đối với các phần đất nhà có diện tích khoảng 1.830m², phần đất 151,2m² và phần đất 151,3m², Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An phân công ông Đặng Ngọc Quân trực tiếp giải quyết vụ án nêu trên với tư cách là Thẩm phán. Căn cứ quy định tại Điều 52 và Điều 53 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì thẩm phán Đặng Ngọc Quân không thuộc trường hợp phải thay đổi, không vi phạm thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông L, bị đơn ông V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ, bà B, bà H, bà V có mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, bà Phan Thị N, ông Nguyễn Thanh T, bà Huỳnh Kim H, ông Nguyễn Đình T, bà Trần Thị Bạch T, ông Nguyễn Thành TR, bà Nguyễn Thị Mai Tra có đơn xin xét xử vắng mặt; người làm chứng ông Nguyễn Văn Tấn, ông Nguyễn Văn Kim có đơn xin xét xử vắng mặt. Những người làm chứng này đã có lời khai trong quá trình giải quyết vụ việc cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Xét thấy, việc vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt những người nêu trên. Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ, bà T, bà H, bà V là ông Đinh Tấn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Cụ Nguyễn Văn Bé (sinh năm 1926, chết năm 1965) và cụ Tống Thị Bình (sinh năm 1930, chết năm 1985). Cụ Bé, cụ Bình có 8 người con gồm: Bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Thành L, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Văn Trọng (ông Trọng đã chết năm 1984, không có vợ con). Cụ Bé, cụ Bình chết không để di chúc, để lại các phần đất gồm: Phần đất 1.830m² (đo đạc thực tế 1.829,2m²), trên đất có một căn nhà cột gỗ, vách ván bằng gỗ tạp, mái ngói, nền đất thuộc thửa 492, tờ bản đồ C2; phần đất diện tích 3.781m² thuộc thửa đất số 340 tờ bản đồ số C2; phần đất 5.376m² thuộc các thửa đất số 800, 801, 836, 837, 838, 874, 875, 876 tờ bản đồ B3 tọa lạc tại ấp TP, xã TB, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố TP, phường TB, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương) nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 318763, số vào sổ cấp GCN 1578/QSĐĐ/CQ TB Ủy ban nhân dân huyện Dĩ An cấp ngày 31/01/2002 cho ông Nguyễn Văn V và phần đất có diện tích 4.871m² (đo đạc thực tế 4.340m²) thuộc các thửa đất số 02, 936, 937, 938 tờ bản đồ D2 (phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Năm 2001, các anh chị em của ông V đã thống nhất chuyển nhượng cho ông Phạm Phúc và bà Huỳnh Thị Kim Liên phần đất diện tích 3.781m² thuộc thửa số 340 tờ bản đồ B3 được số tiền hơn 300.000.000 đồng và đã chia số tiền chuyển nhượng cho các anh chị em như sau: Những người con trai được 50.000.000 đồng, con gái được 45.000.000 đồng.

Phần đất lúa có diện tích 5.376m² thuộc các thửa đất số 800, 801, 836, 837, 838, 874, 875, 876 tờ bản đồ B3 khi cụ Bình còn sống thì đã chia phần đất này cho ông V và ông L mỗi người $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất. Do ông L sống ở Biên Hòa nên ông L đã nhờ ông V đăng ký đứng tên dùm, đến năm 2007 ông L bán lại cho ông V phần đất này, việc bán đất thể hiện bằng giấy sang nhượng đất ruộng đề ngày 21/7/2007 hiện ông V còn giữ giấy. Cùng thời điểm này ông Đ được chia 01 phần đất ruộng gần với phần đất của ông V và ông L (phần đất này đã vào quy hoạch và ông Đ đã nhận bồi thường), đối với các người con gái thì được cụ Bình cho mỗi người 01 con bò.

[2.2] Ngày 17/3/2003, ông L và ông Đ khởi kiện ông V tranh chấp di sản thừa kế đối với phần đất 1.830m², phần đất 4.871m² (đo đạc thực tế 4.340m² phần đất này chưa được cấp sổ) và phần đất 5.376m² đất lúa. Tòa án nhân dân huyện Dĩ An đã thụ lý vụ việc. Quá trình giải quyết tại Tòa các đương sự đã thỏa thuận được với về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau: Ông Đ, ông L, bà B, bà T, bà H, bà V và ông V thống nhất chỉ chia phần đất 4.871m² (đo đạc thực tế 4.340m² phần đất này chưa được cấp sổ) cho 07 anh em mỗi người 620m², ông Đ, ông L, ông V nhận; các bà B, T, H, V đồng ý nhận kỷ phần đã chia và để lại cho ông V quản lý, sử dụng và sở hữu. Ông Đ, ông L, bà B, bà T, bà H, bà V và ông V thống nhất không tranh chấp những di sản khác và cam kết không tranh chấp thừa kế những di sản của cha mẹ để lại. Việc thỏa thuận được lập thành văn bản có chính quyền địa phương xác nhận, ông Đ và ông L rút đơn khởi kiện và phần đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ, ông L và ông V tương ứng với phần được chia.

Như vậy, kể từ khi cụ Bình còn sống cho đến thời điểm năm 2003 các anh chị em của ông V đã phân chia xong các quyền sử dụng đất của cụ Bé, cụ Bình để lại.

[2.3] Ngày 15/12/2017, nguyên đơn ông L khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với: Phần đất 1.830m² (đo đạc thực tế 1.829,2m²), trên đất có một căn nhà cột gỗ, vách ván bằng gỗ tạp, mái ngói, nền đất thuộc thửa 492, tờ bản đồ C2 tọa lạc tại khu phố TP, xã TB, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 318763, số vào sổ cấp GCN 1578/QSĐĐ/CQ TB Ủy ban nhân dân huyện Dĩ An cấp ngày 31/01/2002 cho ông Nguyễn Văn V và 02 phần đất có diện tích đất 151,2m², thửa 1370, tờ bản đồ số 6, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 236454, số vào sổ CH 10921 và diện tích đất 151,3m² thửa 1.369 tờ bản đồ số 6, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 236455, số vào sổ cấp GCN: CH 10922 do Ủy ban nhân dân thị xã Dĩ An cấp ngày 28/02/2017 đứng tên chủ sử dụng ông Nguyễn Văn V (02 phần đất này có nguồn gốc cấp tái định cư từ phần đất có diện tích 4.135m² bị thu hồi thuộc thửa 240e, tờ bản đồ C2, xã TB, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) do hộ ông Nguyễn Văn V đang quản lý, sử dụng đất tại Khu di tích Cách mạng và sinh thái Hồ Lang, tọa lạc tại ấp Tân Hiệp, xã TB để thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng Khu di tích Cách mạng và sinh thái Hồ Lang (BL 400).

Tại phiên tòa sơ thẩm ông L rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chia giá trị căn nhà hiện ông V đang ở; không tranh chấp các tài sản khác gắn liền trên đất và thay đổi yêu cầu chia phần đất đo đạc thực tế 1.829m² bằng giá trị. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông bà Đ, B, T, H V thống nhất với ý kiến của ông L.

[2.4] Xét nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng, kê khai đăng ký quyền sử dụng các thửa đất hiện tranh chấp:

[2.4.1] Đối với phần đất vườn + thổ cư có diện tích 1.830m² (đo đạc thực tế 1.829m²), khi cụ Bình còn sống trên đất có một căn nhà tạm cột bằng cây, vách ván gỗ tạp, mái ngói, nền đất. Sau khi cụ Bình chết gia đình ông V tiếp tục sinh sống trong căn nhà trên nhưng do nhà xuống cấp dột nát nên năm 1993 ông V tiến hành sửa chữa lại để sử dụng đến năm 2002 xây dựng lại căn nhà cấp 4 như hiện nay. Các đương sự thừa nhận nguồn gốc đất là của cha mẹ (ông Bé, bà Bình) để lại nhưng chưa kê khai đăng ký. Năm 1988, ông V tiến hành kê khai đăng ký đến ngày 15/10/1991 Ủy ban nhân dân huyện Dĩ An, tỉnh Sông Bé cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ trắng) số 260/GCN-SB gồm có các thửa số (14 thửa): 3244 diện tích 2.050m² (đất thổ cư + màu), 2786 diện tích 1.450m² (đất màu), 3127 diện tích 3.700m² (đất màu), 3799 diện tích 1.250m² (đất màu), 1139 diện tích 605m² (đất lúa), 1180 diện tích 420m² (đất lúa), 1144 diện tích 260m² (đất lúa), 1145 diện tích 210m² (đất lúa), 1138 diện tích 465m² (đất lúa), 1141 diện tích 620m² (đất lúa), 1142 diện tích 440m² (đất lúa), 1143 diện tích 240m² (đất lúa), 1137 diện tích 2.080m² (đất lúa), 1136 diện tích 420m² (đất lúa). Tổng diện tích 14.310m². Ngày 05/6/1997 thực hiện chủ trương chung ông V kê khai đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 260/GCN-SB. Đến ngày 31/01/2002 ông V được UBND huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 318763, sổ vào sổ cấp GCN 1578/QSDĐ/CQ TB UBND huyện Dĩ An cấp cho (hộ) ông Nguyễn Văn V gồm có các thửa số (11 thửa): 800 diện tích 401m² (đất lúa), 801 diện tích 385m² (đất lúa), 836 diện tích 737m² (đất lúa), 837 diện tích 1.495m² (đất lúa), 838 diện tích 515m² (đất lúa), 874 diện tích 519m² (đất lúa), 875 diện tích 486m² (đất lúa), 876 diện tích 838m² (đất màu) cùng tờ bản đồ B3; 492 diện tích 300m² (đất thổ cư) và 1530 (đất vườn), tờ bản đồ C2; 550 diện tích 1880m² (đất lúa), tờ bản đồ C2; 340 diện tích 3.781m², tờ bản đồ C2 (đất vườn). Tổng diện tích 12.873m². Năm 2003, ông Đ, ông L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất này nhưng sau đó các anh chị em trong gia đình thỏa thuận không tranh chấp mà giao cho ông V toàn quyền quản lý, sử dụng và cam đoan không thắc mắc, khiếu nại gì về sau. Các đương sự (nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) thống nhất khai nhận kể từ khi cụ Bình chết (1985) cho đến hiện nay ông V là người trực tiếp ở, quản lý, canh tác, sử dụng đối với phần đất này.

[2.4.2] Đối với phần đất có diện tích 4.135m² thuộc thửa 240e, tờ bản đồ C2, xã TB, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Tại biên bản xác minh ngày 03/08/2018 và ngày 14/9/2018 đối với Ủy ban nhân dân phường TB về nguồn gốc phần đất hiện các đương sự tranh chấp và căn cứ thu hồi, chi trả tiền bồi thường, cấp đất hỗ trợ tái định cư cho ông Nguyễn Văn V được Ủy ban nhân dân phường TB xác định như sau: Nguồn gốc đất từ xưa trước chiến tranh chống Mỹ là của ông Tích (bác ông V), tới khi xảy ra chiến tranh chống Mỹ - Ngụy thì đất này làm căn cứ cách mạng nên người dân không sản xuất được. Từ sau năm 1975 ông Phan Văn Rợ và Phan Văn Chợ đứng ra khai phá toàn bộ diện tích đất ở

khu Hồ Lang này. Sau đó, khoảng năm 1982 ông Nguyễn Văn V mới yêu cầu ông Rợ và ông Chợ trả lại một phần đất có diện tích 4.135m², ông V khai khẩn diện tích đất này trồng hoa màu và trồng cây lâu năm chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với lời khai của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khi từ khi cụ Bình chết (năm 1985) thì phần đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và do ông V là người trực tiếp canh tác, quản lý, sử dụng từ đó đến nay. Năm 2004, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 6916/QĐ-UB ngày 16/9/2004 phê duyệt công trình Khu di tích cách mạng và du lịch sinh thái Hồ Lang; năm 2005, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Dĩ An ban hành quyết định số 1797/QĐ-CT ngày 07/9/2005 thành lập Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng công trình khu di tích cách mạng và du lịch sinh thái Hồ Lang. Theo đó, Hội đồng bồi thường đã tiến hành đo đạc khu đất, sau đó tiến hành áp giá đền bù đối với đất và toàn bộ cây trái hoa màu trên đất, xác định tổng số tiền đền bù đất và tài sản trên đất cho ông V là 632.690.000 đồng. Toàn bộ số tiền do đại diện chủ đầu tư là Ban Quản lý huyện Dĩ An tổ chức chi tiền tại Ủy ban nhân dân phường TB cho ông Nguyễn Văn V, ông V là người ký nhận số tiền 632.690.000 đồng. Thời điểm chi tiền, ông V trực tiếp nhận và sau đó có cho các anh chị em mỗi người 50.000.000 đồng, số tiền còn lại ông V nhận, các anh chị em của ông V nhận tiền từ ông V, không có ai khiếu nại. Ủy ban nhân dân phường TB không nhận được bất cứ đơn thư khiếu nại nào từ các anh chị em của ông V về việc bồi thường số tiền đền bù khi thu hồi đất. Do đó, không có sự việc Ủy ban nhân dân xã TB chi tiền bồi thường cho các anh chị em của ông V mỗi người 50.000.000 đồng. Ngày 30/01/2007, Ủy ban nhân dân huyện Dĩ An ban hành quyết định số 270/QĐ-UBND v/v thu hồi diện tích đất 4.135m² tại thửa 240e, tờ bản đồ C2, xã TB, huyện Dĩ An do hộ ông Nguyễn Văn V đang quản lý, sử dụng đất tại Khu di tích Cách mạng và sinh thái Hồ Lang, tọa lạc tại ấp Tân Hiệp, xã TB để thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng Khu di tích Cách mạng và sinh thái Hồ Lang. Đến năm 2015, Ủy ban nhân dân huyện Dĩ An cấp bồi thường tái định cư diện tích đất 4.135m² đã thu hồi, ông V đi kê khai được cấp 02 diện tích đất gồm diện tích đất 151,2m², thửa 1370, tờ bản đồ số 6, thuộc GCNQSDĐ số CE 236454, số vào sổ CH 10921, diện tích đất 151,3 m² thửa 1.369 tờ bản đồ số 6, thuộc GCNQSDĐ số CE 236455, số vào sổ cấp GCN: CH 10922 do UBND thị xã Dĩ An cấp ngày 28/02/2017 đứng tên chủ sử dụng ông Nguyễn Văn V. Tại phiên tòa, nguyên đơn cho rằng có nghe nói cụ Bình đã đi kê khai đăng ký, bị đơn không thừa nhận và nguyên đơn cũng không có chứng cứ chứng minh. Mặt khác, tại Bản tự khai ngày 14/9/2018 của người làm chứng ông Nguyễn Văn Tấn và ông Nguyễn Văn Kim xác nhận: Các ông là cháu ruột của bà Bình, về nguồn gốc đất tại khu đất Hồ Lang hiện nay đã thu hồi có nguồn gốc do ai khai khẩn thì các ông không rõ, ông chỉ biết sau chiến tranh năm 1975 – 1976, ông Phan Văn Rợ và ông Phan Văn Chợ khai phá lại toàn bộ diện tích đất của khu vực Hồ Lang, sau đó năm 1976, ông Chợ, ông Rợ trả phần đất trên cho bà Tổng Thị Bình, bà Bình cùng các con tiếp quản để trồng hoa màu, sau khi bà H, V lấy chồng, bà Bình chết thì ông V trực tiếp khai khẩn, quản lý, sử dụng cho đến khi bị thu hồi đất làm khu di tích cách mạng Hồ Lang. Như vậy, Ủy ban nhân dân phường TB đã căn cứ vào người sử dụng đất trên thực tế để thực hiện việc bồi thường cũng như cấp đất tái định cư cho ông Nguyễn Văn V là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 100 Luật đất đai năm 2013.

[2.4.3] Cụ Bé, cụ Bình chết không có di chúc, phần đất có diện tích 4.135m² thuộc thửa 240e, tờ bản đồ C2, xã TB, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương chưa kê khai

đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất cũng không có tài sản nào khác nên theo quy định tại Điều 100 và Điều 188 của Luật đất đai năm 2013, Điều 612 Bộ luật Dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại tiểu mục 1.3 mục 1 phần II của Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì phần đất trên không phải là di sản thừa kế. Ông V là người trực tiếp quản lý, sử dụng kê khai đăng ký theo quy định của pháp luật nên được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993: “Người sử dụng đất ổn định, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận thì được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Đối với yêu cầu chia thừa kế phần đất nhà có diện tích 1.830m² (đo đạc thực tế 1.829m²), theo hướng dẫn tại tiểu mục 1.3 mục 1 phần II của Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì đây là di sản thừa kế của cụ Bé, cụ Bình. Tuy nhiên, ông V là người trực tiếp quản lý, sử dụng từ trước năm 1985, kê khai đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ trắng) vào năm 1991, năm 2002 cấp đổi sổ đỏ. Quá trình quản lý, sử dụng, kê khai cấp đổi các anh chị em đều biết nhưng không ai có ý kiến thắc mắc, khiếu nại. Năm 2003 khi ông Đ, ông L khởi kiện các đương sự cũng thống nhất không tranh chấp đối với phần đất trên kể cả tài sản (nhà vách ván gỗ tạp, cột cây, mái ngói, nền đất) gắn liền trên đất. Như vậy, ông V là người trực tiếp sử dụng ngay tình, liên tục, công khai đối với thửa đất trên từ trước năm 1985 đến nay đã đáp ứng đủ điều kiện quy định về xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu do chiếm hữu, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật tại Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2015 (khoản 1 Điều 247 Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 1 Điều 255 Bộ luật Dân sự năm 1995) “*Người chiếm hữu, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn 10 năm đối với động sản, 30 năm đối với bất động sản thì trở thành chủ sở hữu tài sản đó, kể từ thời điểm bắt đầu chiếm hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác*” và khoản 1 Điều 182 quy định “*chiếm hữu liên tục là việc chiếm hữu được thực hiện trong một khoảng thời gian mà không có tranh chấp về quyền đối với tài sản đó hoặc có tranh chấp nhưng chưa được giải quyết bằng một bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác, kể cả khi tài sản được giao cho người khác chiếm hữu*”. Từ những phân tích nêu trên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những căn cứ và phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn V và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương. Sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là không có căn cứ.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.5] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T, bà H, bà V không phải chịu.

[2.6] Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của ông Nguyễn Văn V được chấp nhận nên không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 148; Điều 293; khoản 2 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn V và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 101/2018/DS-ST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành L đối với bị đơn ông Nguyễn Văn V về “tranh chấp về thừa kế tài sản”.

2.2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện giữa nguyên đơn ông Nguyễn Thành L đối với bị đơn ông Nguyễn Văn V về “tranh chấp về thừa kế tài sản” đối với phần tài sản là căn nhà cấp 4 có diện tích 181,9m² xây dựng trên diện tích đất 1.829,2m² thuộc thửa 492, tờ bản đồ C2, số sổ 318763, số vào sổ cấp GCN 1578/QSĐĐ/CQ TB Ủy ban nhân dân huyện Dĩ An cấp ngày 31/01/2002 cho hộ ông Nguyễn Văn V.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Nguyễn Thành L phải chịu 5.442.000 đồng và đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành L không phải chịu. Hoàn trả cho ông Nguyễn Thành L số tiền 14.857.000 đồng (mười bốn triệu, tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0018680 ngày 21/12/2017 của Chi cục Thi hành án thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị V không phải chịu án phí.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn V số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0020338 ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Dĩ An.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND thị xã Dĩ An;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

Lê Thị Kim Anh